



HALCOM

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY
GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 30/09/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	07 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty CP Đầu tư và tư vấn Hà Long (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc:

Ông Nguyễn Quang Huân Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG



Nguyễn Quang Huân

Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		42,357,251,501	39,636,755,815
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	14,616,908,094	2,365,490,156
1 Tiền	111		14,616,908,094	2,365,490,156
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20,426,341,093	30,733,591,564
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	9,652,399,657	16,107,755,095
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,627,068,582	3,899,422,400
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1,610,000,000
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3	7,462,155,911	9,431,697,126
IV Hàng tồn kho	140		6,576,118,567	5,707,745,962
1 Hàng tồn kho	141	V.4.	6,576,118,567	5,707,745,962
V Tài sản ngắn hạn khác	150		737,883,747	829,928,133
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		737,883,747	829,928,133
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		317,587,919,021	298,631,220,099
I Các khoản phải thu dài hạn	210		79,367,831,061	80,159,444,444
5 Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.2.	79,367,831,061	80,159,444,444
II Tài sản cố định	220		311,101,461	386,828,733
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	311,101,461	386,828,733
- Nguyên giá	222		1,558,502,597	1,558,502,597
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,247,401,136)	(1,171,673,864)
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.5.	160,000,000,000	160,000,000,000
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		160,000,000,000	160,000,000,000
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		77,608,986,499	57,784,946,922
1 Đầu tư vào công ty con	251	V.7.	48,300,000,000	49,300,000,000
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.8.	30,080,578,000	9,114,000,000
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(771,591,501)	(629,053,078)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		300,000,000	300,000,000
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác	268		300,000,000	300,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		359,945,170,522	338,267,975,914

(Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/04/2016
A NỢ PHẢI TRẢ	300		27,454,984,397	16,037,086,822
I Nợ ngắn hạn	310		27,454,984,397	16,037,086,822
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	13,721,776,602	3,930,761,807
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,826,352,125	1,690,366,125
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10.	8,985,187,906	6,047,961,122
4 Phải trả người lao động	314		253,925,550	368,792,291
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315		552,955,273	552,955,273
9 Phải trả ngắn hạn khác	319		1,029,312,170	837,824,913
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,000,000,000	2,500,000,000
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		85,474,771	108,425,291
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		332,490,186,125	322,230,889,092
I Vốn chủ sở hữu	410	V.11	332,490,186,125	322,230,889,092
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		636,587,297	636,587,297
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ	415		(51,798,297)	(51,798,297)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		1,462,410,602	1,462,410,602
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30,442,986,523	20,183,689,490
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		359,945,170,522	338,267,975,914

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

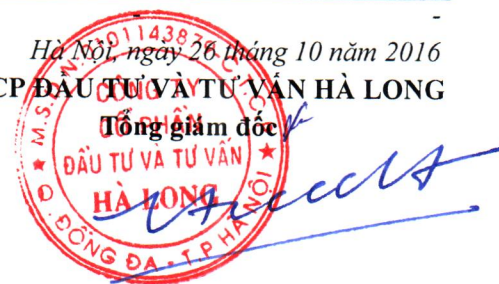
Người lập biểu

Kế toán trưởng




Bùi Thị Xuyên

Lê Thành Đồng



Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 30/09/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II năm tài chính		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	tới cuối quý này Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	87,939,357,959	48,589,946,688	141,345,839,046	95,682,483,978
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu						
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		87,939,357,959	48,589,946,688	141,345,839,046	95,682,483,978
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	79,006,801,638	47,383,327,453	123,340,093,878	91,477,764,958
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		8,932,556,321	1,206,619,235	18,005,745,168	4,204,719,020
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	842,383,664	5,530,434,777	864,918,106	5,586,147,290
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	180,961,322	28,040,553	190,530,766	28,040,553
Trong đó: Chi phí lãi vay			42,560,416	-	52,129,860	-
8 Chi phí bán hàng	25				-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3,430,795,723	2,306,541,157	5,876,423,482	4,134,939,125
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6,163,182,940	4,402,472,302	12,803,709,026	5,627,886,632
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	-	291,888,873	25,981,651	295,463,430
12 Chi phí khác	32		2,601,659	11	5,569,386	45,000,011
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(2,601,659)	291,888,862	20,412,265	250,463,419
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,160,581,281	4,694,361,164	12,824,121,291	5,878,350,051
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6.	1,232,116,256	1,032,759,456	2,564,824,258	1,293,237,011
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4,928,465,025	3,661,601,708	10,259,297,033	4,585,113,040

Người lập biểu



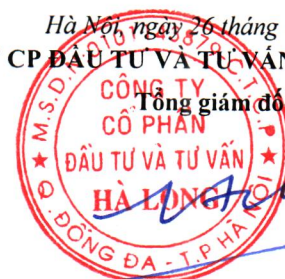
Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng



Lê Thành Đồng

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG



Tổng giám đốc
Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	12,824,121,291	5,878,350,051
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	75,727,272	75,727,272
-	Các khoản dự phòng	03	142,538,423	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	28,040,553
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5,519,793,435)
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13,042,386,986	462,324,441
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10,525,818,471	1,597,376,203
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(868,372,605)	(394,583,775)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	11,833,860,537	540,984,753
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	92,044,386	(802,419,308)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1,404,355,220)	(1,480,000,000)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(167,608,800)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	33,221,382,555	(243,926,486)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(160,000,000,000)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23	(395,000,000)	(83,059,444,444)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	891,613,383	3,000,000,000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35,149,578,000)	(22,618,086,517)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	15,183,000,000	9,000,000,000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		119,793,435
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19,469,964,617)	(253,557,737,526)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chi	31	-	246,300,000,000
3.	Tiền thu từ đi vay	33	1,500,000,000	600,000,000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(3,000,000,000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,500,000,000)	246,900,000,000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12,251,417,938	(6,901,664,012)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2,365,490,156	9,555,861,833
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	(28,040,553)
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14,616,908,094	2,626,157,268

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Bùi Thị Xuyên

Lê Thành Đồng

Nguyễn Quang Huân

(Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long tiền thân là Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 7 năm 2007. Hiện nay, Công ty đã chuyển đổi thành công ty cổ phần. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 30.000.000 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trụ sở chính của Công ty tại căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các công ty con và chi nhánh sau:

Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành

Trụ sở chính của công ty tại Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Công ty Cổ phần Hòa Long

Trụ sở chính của công ty tại xóm Rồng Vàng, xã Lâm Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Chi nhánh: Chi nhánh Miền Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Địa chỉ: 272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.
Chi tiết: Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tái định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; Tư vấn chuyên giao công nghệ; Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường; Bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng, quản lý, khai thác và cung cấp nước sạch;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan./.

Hoạt động chính của Công ty là hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường, bán buôn vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tư vấn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 năm sau.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không năm hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản trả trước dài hạn khác bao gồm tiền thuê văn phòng, công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm hoặc thời hạn thuê theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó và được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2016
đến ngày 30/09/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
<i>Tiền mặt</i>	324,259,155	86,455,918
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	14,292,648,939	2,279,034,238
Các khoản tương đương tiền		-
Tổng cộng	14,616,908,094	2,365,490,156

2. Phải thu của khách hàng, phải thu dài hạn khác

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	9,652,399,657	16,107,755,095
Công ty Cổ phần M.A.M Việt Nam	-	4,548,386,617
Công ty Cổ phần thương mại và Tư vấn Tân Cơ	731,159,121	3,992,465,887
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Bắc Bình	947,902,341	1,921,810,286
Công ty TNHH ECONET ENGINEERING	1,395,229,716	750,640,028
BQL Đầu tư cơ sở Hạ Tầng PT Bền Vững Tỉnh Lạng Sơn	1,568,890,817	1,369,158,042
BQL phát triển toàn diện KTXH TP Việt Trì	2,683,796,860	1,327,835,019
Các khoản phải thu của các đơn vị khác	2,325,420,802	2,197,459,216
b) Phải thu về cho vay dài hạn	79,367,831,061	80,159,444,444
Công ty nước Thuận Thành	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty CP Hạ tầng THPTD Việt Nam	9,367,831,061	10,159,444,444
Tổng cộng	89,020,230,718	96,267,199,539

3. Phải thu ngắn hạn khác

	30/09/2016	01/04/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	476,068,613	1,741,913,900
Tạm ứng	390,807,784	578,681,494
Phải thu khác	6,553,887,135	6,965,885,405
Tiền BHXH trả trước	41,392,379	145,216,327
Tổng cộng	-	9,431,697,126

4. Hàng tồn kho

	30/09/2016		01/04/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6,576,118,567	-	5,707,745,962	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Tổng cộng	6,576,118,567	-	5,707,745,962	-

(*) Ghi chú:

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONGCăn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, Phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2016
đến ngày 30/09/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)****Mẫu số B 09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. Tài sản dở dang dài hạn

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Công ty CP Nước Hưng Long	100,000,000,000	100,000,000,000
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam	60,000,000,000	60,000,000,000
Tổng cộng	160,000,000,000	160,000,000,000

6. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình của Công ty gồm xe ô tô Lexus với nguyên giá 1.514.545.454 đồng, khấu hao lũy kế tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 1.203.443.993 đồng và máy photo phục vụ quản lý với nguyên giá 43.957.143 đồng đã khấu hao hết.

7. Đầu tư vào công ty con

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
Công ty CP Nước Thuận Thành	40,000,000,000	40,000,000,000
Công ty Cổ phần Hòa Long	8,300,000,000	9,300,000,000
Tổng cộng	48,300,000,000	49,300,000,000

8. Đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Mekong VN	9,114,000,000	9,114,000,000
Công ty CP Lắp Máy Hồng Ngọc	12,657,000,000	
Công ty Cổ Phần Điện Máy Khang Long	7,391,000,000	
Các đơn vị khác	918,578,000	
Tổng cộng	30,080,578,000	9,114,000,000

9. Phải trả người bán

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	13,721,776,602	3,937,961,807
Công ty CP Hưng Cơ	1,050,159,686	-
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Quốc tế ITIC	11,950,808,365	3,089,342,318
Công ty TNHH Đầu tư và Xây Lắp Trường Sơn	228,063,000	-
Các khoản phải trả các đơn vị khác	492,745,551	848,619,489

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/04/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/09/2016
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	3,058,550,602	13,844,460,190	12,158,259,101	4,744,751,691
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,726,743,779	2,575,854,258	1,404,355,220	3,898,242,817
Thuế thu nhập cá nhân	262,666,741	460,591,841	381,065,184	342,193,398
Các loại thuế khác	-			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6,047,961,122	16,880,906,289	13,943,679,505	8,985,187,906

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**11. Vốn chủ sở hữu***a, Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/04/2015	54,550,000,000	567,097,000	(832,308,000)	1,462,410,602	7,176,109,616	62,923,309,218
Vốn góp tăng trong năm	245,450,000,000	69,490,297				245,519,490,297
Lợi nhuận tăng trong năm					13,317,579,874	13,317,579,874
Phân phối lợi nhuận					(310,000,000)	(310,000,000)
Bán Cổ phiếu Quỹ			780,509,703			780,509,703
Số dư tại ngày 01/04/2016	300,000,000,000	636,587,297	(51,798,297)	1,462,410,602	20,183,689,490	322,230,889,092
Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận tăng trong kỳ					10,259,297,033	10,259,297,033
Phân phối lợi nhuận					-	-
Số dư tại ngày 31/12/2015	300,000,000,000	636,587,297	(51,798,297)	1,462,410,602	30,442,986,523	332,490,186,125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	132,743,421,958	84,553,985,042
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8,602,417,088	11,128,498,936
Tổng cộng	141,345,839,046	95,682,483,978

2. Giá vốn hàng bán

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa	41,843,568,539	84,324,686,030
Giá vốn cung cấp dịch vụ	2,489,723,701	7,153,078,928
Tổng cộng	44,333,292,240	91,477,764,958

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	823,987,056	119,793,435
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, cổ phiếu, cổ phần	40,000,000	5,400,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	931,050	66,353,822
Tổng cộng	864,918,106	5,586,147,257

4. Chi phí tài chính

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Lãi tiền vay	42,560,416	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	147,970,350	28,040,553
Tổng cộng	190,530,766	28,040,553

5. Thu nhập khác

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Thu nhập khác	25,981,651	295,463,430
Tổng cộng	25,981,651	295,463,430

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý I+II / 2016 VND	Quý I+II / 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2,564,824,258	1,293,237,011
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,564,824,258	1,293,237,011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

VII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2016 đến ngày 30/09/2016

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành
Công ty Cổ phần Hòa Long

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/04/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/04/2015 đến 30/09/2015 VND
Doanh thu mua hàng, bán hàng	518,181,818	777,922,730
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	518,181,818	777,922,730
Góp vốn vào Công ty Con		
Công ty CP Hòa Long	(1,000,000,000)	3,000,000,000
Công ty CP Nước Thuận Thành		7,546,197,719
Cộng	(1,000,000,000)	7,546,197,719

Số dư các bên liên quan

	30/09/2016 VND	01/04/2016 VND
Các khoản phải thu		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	1,662,781,198	391,426,397
Công ty Cổ phần Hòa Long	1,010,026,500	1,007,916,000
Cộng	2,672,807,698	1,007,916,000
Các trả trước cho các công ty con		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	855,000,000	-
Cộng	356,160,000	-
Các khoản cho vay		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	70,000,000,000	70,000,000,000
Cộng	70,000,000,000	70,000,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Thông tin so sánh

Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày so sánh với số liệu của Báo cáo tài chính Quý I+II năm 2016 (6 tháng đầu năm năm 2016).

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2016

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Người lập biểu

Bùi Thị Xuyên

Kế toán trưởng

Lê Thành Đồng



Nguyễn Quang Huân